

Bản án số: 19/2023/HS - ST

Ngày: 04/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà* : Bà Lê Thị Hương Giang

- *Các Hội thẩm nhân dân* : 1. Ông Trịnh Văn Dũng

2. Ông Phạm Hồng Kiên

- **Thư ký phiên toà:** Bà Vũ Lệ Thuý - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thuý - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2023/TLST - HS ngày 04 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST - HS ngày 21/7/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trịnh Văn T- Sinh ngày 12/4/1990 tại xã M, huyện V, tỉnh T. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 7, xã M, huyện V, tỉnh T. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Văn D (đã chết) và con bà Hoàng Thị Th – sinh năm 1961. Bị cáo có vợ là Trần Thị Th1, sinh năm 1989, bị cáo có 01 con sinh năm 2013. Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình. Nhân thân: Ngày 21/8/2019 bị Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”, theo bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS – ST ngày 21/8/2019, đã được xoá án tích. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 20/2023/LCĐKNCT ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

2. Họ và tên: Trịnh Văn T1 - Sinh ngày 06/9/1994 tại xã M, huyện V, tỉnh T. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 7, xã M, huyện V, tỉnh T. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo:

Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Văn D (đã chết) và con bà Hoàng Thị Th – sinh năm 1961. Bị cáo có vợ là Bùi Thị Thanh H, sinh năm 2000, bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020). Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 04 trong gia đình. Nhân thân: Ngày 14/01/2020 bị Công an huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khoẻ của người khác. Ngày 18/5/2020 đã chấp hành xong. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 21/2023/LCĐKNCT ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

3. Họ và tên: Trịnh Văn S (tên gọi khác Trịnh Văn Q) - Sinh ngày 11/10/1987 tại xã M, huyện V, tỉnh T. Nơi ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 7, xã M, huyện V, tỉnh T. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Văn D (đã chết) và con bà Hoàng Thị Th – sinh năm 1961. Bị cáo chưa có vợ, con. Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 02. Nhân thân: Ngày 25/9/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2013/HSST ngày 25/9/2013. Chấp hành xong án phạt tù từ ngày 31/8/2015, đã được xoá án tích. Ngày 14/01/2020 bị Công an huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khoẻ của người khác. Ngày 18/5/2020 đã chấp hành xong. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 22/2023/LCĐKNCT ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

4. Họ và tên: Nhữ Mai T3- Sinh ngày 28/4/1996 tại huyện S, tỉnh T. Nơi ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh T. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nhữ Mai L – sinh năm 1968 và con bà Nguyễn Thị Th – sinh năm 1973; Bị cáo chưa có vợ con; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con đầu. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 23/2023/LCĐKNCT ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

5. Họ và tên: Mai Tiến D - Sinh ngày 26/9/2002 tại huyện S, tỉnh T. Nơi ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 4, thị trấn S, huyện S, tỉnh T. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Mai Thanh D – sinh năm 1979 và con bà Hà Thị L – sinh năm 1983; Bị cáo chưa có vợ con; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con đầu. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn

chặn bằng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 24/2023/LCĐKNCT ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

6. Họ và tên: Lê Văn L - Sinh ngày 17/9/1999 tại huyện S, tỉnh T. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh T. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn Đ – sinh năm 1975 và con bà Nguyễn Thị Th – sinh năm 1977; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H – sinh năm 1999, bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020); Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ 02. Tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 30/8/2019 bị Công an huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác. Bị cáo đã nộp phạt vào ngày 01/8/2023. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/6/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

7. Họ và tên: Lê Văn T2 - Sinh ngày 04/02/1982 tại xã H, huyện V, tỉnh T. Nơi ĐKHKTT: Xóm N, xã H, huyện V, tỉnh T. Nơi ở hiện nay: Thôn T 1, xã H, huyện H, tỉnh T. Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ văn hóa: 12/12; Là đảng viên thuộc Chi bộ Trường THCS H, huyện H, tỉnh T. Hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn L – sinh năm 1959 và con bà Cao Thị K – sinh năm 1960. Vợ Hoàng Thị Th – sinh năm 1981; Bị cáo có 02 con, (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013). Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con đầu. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 25/2023/LCĐKNCT ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

*** Những người tham gia tố tụng khác:**

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Hoàng Đình Đ – sinh năm 1981.

Trú tại: Thôn Đ, xã Th, huyện V, tỉnh T.

Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Trịnh Tiến D – sinh năm 1999

+ Anh Hoàng Sỹ Th – sinh năm 1987

+ Anh Bùi Văn M – sinh năm 1999

Đều có địa chỉ: Xóm 7, xã M, huyện V, tỉnh T.

Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ, ngày 23/12/2022, Hoàng Đình Đ, sinh năm 1981, trú tại thôn Đ, xã Th, huyện V, tỉnh T điều khiển xe mô tô BKS 60C1-918.73 chở theo Lê Văn T2, sinh năm 1982, trú tại xóm N, xã H, huyện V, tỉnh T đi từ nhà Đ lên xóm 7, xã M, huyện Vĩnh Lộc để chơi thì gặp xe ô tô của Trịnh Văn T, sinh năm 1990, trú tại xóm 7, xã M, huyện V, tỉnh T đang điều khiển xe theo chiều ngược lại. Mặc dù hai phương tiện không xảy ra va chạm nhưng Hoàng Đình Đ và Trịnh Văn T đều xuống xe và cãi cọ nhau. Thấy vậy, Lê Văn T2 can ngăn Đ và T nhưng T vẫn xông đến túm áo, giằng co với Đ nên Lê Văn T2 đã đâm hai cái và tát một cái vào mặt Trịnh Văn T, đồng thời xô Trịnh Văn T vào bờ tường. Lúc này, Hoàng Đình Đ can ngăn, ôm và đẩy T ra không cho hai bên đánh nhau nhưng Lê Văn T2 vẫn đi theo T và chỉ tay về phía T khiêu khích, thách thức T. Khi Trịnh Văn T đi xuống dốc chợ Cung hướng về nhà mình thì Lê Văn T2 đi theo để dằn mặt Trịnh Văn T. Trong lúc, Trịnh Văn T bị Lê Văn T2 đánh thì có nam thanh niên đi qua nhìn thấy nên đã về quán Karaoke “Trịnh Gia” của Trịnh Văn T ở gần đó thông báo sự việc. Sau đó, Nhữ Mai T3, sinh năm 1996, trú tại tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh T; Mai Tiến D, sinh năm 2002, trú tại tổ dân phố 4, thị trấn S, huyện S, tỉnh T; Lê Văn L, sinh năm 1999, trú tại phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh T; Trịnh Tiến D, sinh năm 1999, trú tại phường T, thành phố K, tỉnh K và Lê Anh T1, sinh năm 1994, trú tại thôn L, xã T, huyện T, tỉnh T đi trên hai mô tô ra khu vực dốc chợ Cung, nơi Trịnh Văn T và Lê Văn T2 đang xảy ra xô xát. Tại đây, Trịnh Văn T cùng Nhữ Mai T3, Mai Tiến D, Lê Văn L lừa đuổi đánh Lê Văn T2 trên đoạn đường dài khoảng 30m nhưng không lừa kịp nên cả nhóm quay lại. Lúc này, thấy Hoàng Đình Đ đang đi bộ trên bờ đê thuộc khu vực dốc chợ Cung, Trịnh Văn T, Nhữ Mai T3, Mai Tiến D, Lê Văn L xông đến dùng tay chân đâm đá vào đầu, người, mặt của Hoàng Đình Đ. Tiếp đến, Trịnh Văn S (anh trai của Trịnh Văn T) sinh năm 1987 và Trịnh Văn T1 (em trai của Trịnh Văn T), sinh năm 1994 đều trú tại xóm 7, xã M, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá cũng có mặt xông đến đâm, đá vào đầu, mặt và người của Hoàng Đình Đ. Thấy vậy, Hoàng Sỹ Th, sinh năm 1987, tạm trú tại xóm 7, xã M, huyện V, tỉnh T có mặt can ngăn không cho mọi người đánh nhau và nói “*anh em quen biết nhau cả có gì về nhà nói chuyện*” nên Trịnh Văn T1 đã điều khiển xe mô tô chở Đ về nhà của Trịnh Văn T. Tại đây, Trịnh Văn T tát một cái vào mặt Đ, Trịnh Văn T1 tát vào đầu và cầm ghế gỗ dọa đánh Đ. Một lúc sau, vợ của Đ đến và đưa Đ đi điều trị thương tích tại Bệnh viện đa khoa Trí Đức Thành.

Quá trình điều tra các bị cáo Trịnh Văn T, Trịnh Văn T1, Trịnh Văn S, Nhữ Mai T3, Mai Tiến D, Lê Văn L, Lê Văn T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh nhau gây thương tích và gây rối trật tự công cộng của mình. Lời khai của từng bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, biên bản khám nghiệm hiện trường cùng các tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Lộc đã quyết định trưng cầu giám định xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với Trịnh Văn T và Hoàng Đình Đ. Đồng thời, thu mẫu nghi máu tại hiện trường, mẫu máu của Hoàng Đình Đ, mẫu tóc của Trịnh Văn T để phục vụ việc giám định gen.

Tại bản kết luận số 1475/2022/TTPY ngày 03/01/2023 và Kết luận số 1639/2022/TTPY ngày 17/01/2023 của Trung tâm pháp y Thanh Hoá kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Trịnh Văn T là 02% (*Hai phần trăm*), đối với Hoàng Đình Đ là 05% (*Năm phần trăm*).

Tại Bản kết luận giám định số 480/KL-KTHS ngày 19/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận: chất đỏ trên mẫu cần giám định là máu của Hoàng Đình Đ.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể nêu trên của Trịnh Văn T và Hoàng Đình Đ là không lớn do bị đánh bằng tay chân, không đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Cố ý gây thương tích” quy định tại Điều 134 BLHS. Cơ quan CSĐT đã chuyển một phần hồ sơ đến Công an huyện Vĩnh Lộc xử phạt vi phạm phạm hành chính đối với Trịnh Văn T, Trịnh Văn T1, Trịnh Văn S, Nhữ Mai T3, Mai Tiến D, Lê Văn L, Lê Văn T2 theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Trịnh Văn T và Hoàng Đình Đ không yêu cầu những người gây thương tích cho mình phải bồi thường và xin tự chịu trách nhiệm về thương tích của mình.

Về vật chứng của vụ án và các đồ vật, tài liệu thu giữ, tạm giữ Cơ quan điều tra đã xử lý như sau:

- 01 (*một*) đầu ghi nhãn hiệu Dahua màu đen, PN: 1.0.01.01.13070#0028.SN: 4D051EPA11A22 thu giữ tại gia đình bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1961, trú tại thôn 7, xã M, huyện V, tỉnh T. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý bằng hình thức trả lại cho bà Hoàng Thị Th.

- 01 (*một*) xe mô tô BKS 60C1-91873, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exiter, số máy G3D4E557146, số khung 0610HY533613. Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là chị Hoàng Thị Th (là em gái của Hoàng Đình Đ), sinh năm 1983,

trú tại thôn H, xã C huyện B, tỉnh H nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý bằng hình thức trả lại cho chị Hoàng Thị Th.

- Đối với 02 (hai) USB và 01 (một) đĩa DVD ghi hình ảnh các bị cáo tham gia đánh nhau, gây rối trật công cộng, cơ quan điều tra đã niêm phong theo quy định, hiện tại đang lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số: 18/CT-VKSVL ngày 30/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo: Trịnh Văn T, Trịnh Văn T1, Trịnh Văn S, Nhữ Mai T3, Mai Tiến D, Lê Văn L, Lê Văn T2 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo. Kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung Bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trịnh Văn T từ 09 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 20 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trịnh Văn S từ 08 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 16 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trịnh Văn T1 từ 07 tháng đến 08 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 14 tháng đến 16 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Mai Tiến D từ 06 tháng đến 07 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Nhữ Mai T3 từ 06 tháng đến 07 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Văn L từ 06 tháng đến 07 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 09/6/2023).

- Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Văn T2 từ 06 tháng đến 06 tháng 15 ngày tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 13 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Trịnh Văn T và Hoàng Đình Đ không yêu cầu những người gây thương tích cho mình phải bồi thường nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về vật chứng vụ án, về án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Lộc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng, cùng với các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận: Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ, vào khoảng 22 giờ, ngày 23/12/2022, tại ngã ba chợ Cung thuộc xóm 7, xã M, huyện V, tỉnh T, các bị cáo Trịnh Văn T, Trịnh Văn T1, Trịnh Văn S, Nhữ Mai T3, Mai Tiến D, Lê Văn L, Lê Văn T2 đã có hành vi chửi bới, thách thức sau đó lừa đuôi, dùng tay chân đánh nhau trên đường giao thông trong khoảng thời gian dài, tại nơi gần chợ Nghè Cung, là khu vực tập trung đông dân cư, vào thời điểm người dân nghỉ ngơi sau một ngày lao động, làm việc gây náo loạn khu dân cư, gây tâm lý hoang mang lo sợ cho người dân, làm mất an ninh trật tự của địa phương, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi, hậu quả thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã gây rối trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến

an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Để đấu tranh phòng chống và ngăn ngừa tội phạm nói chung cũng như tội “Gây rối trật tự công cộng” nói riêng cần phải có hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo để trừng trị và giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa và giáo dục những người khác tôn trọng pháp luật. Bởi vậy, cần lên cho các bị cáo một hình phạt nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa chung cũng như có đủ thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo. Hội đồng xét xử sẽ phân hóa trách nhiệm hình sự và đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp với tính chất và mức độ của hành vi mà các bị cáo đã gây ra.

[4] Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò cụ thể. Xét vai trò thì bị cáo Trịnh Văn T là người khởi xướng, chủ động gây gỗ, thách thức đánh nhau, xô xát với Hoàng Đình Đ, cùng với Nhữ Mai T3, Mai Tiến D, Lê Văn L lừa đuổi Lê Văn T2 và đánh Hoàng Đình Đ nên giữ vai trò số một. Các bị cáo Nhữ Mai T3, Mai Tiến D, Lê Văn L, Trịnh Văn S, Trịnh Văn T1 tích cực thực hiện hành vi phạm tội với Trịnh Văn T nên cùng giữ vai trò số hai. Bị cáo Lê Văn T2 lúc đầu can ngăn Đ và Trịnh Văn T đánh nhau, nhưng sau đó đã đâm hai cái và tát một cái vào mặt T, được Đ can ngăn nhưng T2 vẫn đi theo T và chỉ tay về phía T khiêu khích, thách thức. Vì vậy, Lê Văn T2 cũng giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức hình phạt cụ thể phù hợp đối với từng bị cáo.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy rằng:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Đối với tất cả các bị cáo trong vụ án trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải với lỗi lầm đã phạm. Vì vậy, tất cả các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Trịnh Văn T1, Mai Tiến D, Nhữ Mai T3, Lê Văn L, Lê Văn T2 lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Lê Văn T2 được Chủ tịch UBND huyện H tặng giấy khen trong công tác giảng dạy; Các bị cáo Trịnh Văn T, Trịnh Văn T1, Trịnh Văn S đã được UBND xã M có công văn xác nhận trước khi phạm tội các bị cáo là công dân tích cực lao động, tích cực đóng góp cho địa phương trong nhiều lĩnh vực, hiện nay điều kiện sống, sinh hoạt của gia đình các bị cáo gặp rất nhiều khó khăn, vất vả. Bản thân các bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ con ly tán. Chính quyền địa phương xã M đề nghị các cơ quan tiến hành tổ tụng xem xét tạo điều kiện cho các

bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Từ những nhận xét trên, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Trịnh Văn T có vai trò số 01 trong vụ án, có nhân thân xấu, hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao nhất. Bị cáo Trịnh Văn T1, Trịnh Văn S có vai trò thứ hai trong vụ án, đều có nhân thân xấu, nhưng bị cáo T1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS, nên bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ hơn so với bị cáo S. Các bị cáo Nhữ Mai T3, Mai Tiến D, Lê Văn T2 đều giữ vai trò thứ hai trong vụ án, các bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội nên các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ hơn, riêng bị cáo T2 có thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS nên được hưởng hình phạt nhẹ nhất. Các bị cáo đều có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội. Bị cáo Lê Văn L có 01 tiền sự, mới chấp hành nộp phạt vào ngày 01/8/2023, khi đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng bị cáo không chấp hành, vắng mặt tại địa phương không có lý do. Bị cáo L thể hiện sự coi thường pháp luật, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[8] Về các tình tiết khác liên quan đến vụ án: Đối với thương tích trên cơ thể của Trịnh Văn T là 02% (*Hai phần trăm*), Hoàng Đình Đ là 05% (*Năm phần trăm*). Tỷ lệ thương tích không lớn do bị đánh bằng tay chân nên không đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại Điều 134 BLHS. Cơ quan CSĐT đã chuyển một phần hồ sơ đến Công an huyện Vĩnh Lộc xử phạt vi phạm hành chính đối với Trịnh Văn T, Trịnh Văn T1, Trịnh Văn S, Nhữ Mai T3, Mai Tiến D, Lê Văn L, Lê Văn T2 theo quy định của pháp luật. Các bị cáo đã chấp hành nộp phạt.

[9] Về vật chứng:

- 01 (*một*) đầu ghi nhãn hiệu Dahua màu đen, PN: 1.0.01.01.13070#0028.SN: 4D051EPA11A22 thu giữ tại gia đình bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1961, trú tại thôn 7, xã M, huyện V, tỉnh T. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý bằng hình thức trả lại cho bà Hoàng Thị Th là phù hợp, đúng quy định.

- 01 (*một*) xe mô tô BKS 60C1-91873, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exiter, số máy G3D4E557146, số khung 0610HY533613. Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là chị Hoàng Thị Th (là em gái của Hoàng Đình Đ), sinh năm 1983, trú tại thôn H, xã C, huyện B, tỉnh H nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý bằng hình thức trả lại cho chị Hoàng Thị Th là phù hợp, đúng quy định.

- Đối với 02 (hai) USB và 01 (một) đĩa DVD ghi hình ảnh các bị cáo tham gia đánh nhau, gây rối trật tự công cộng, cơ quan điều tra đã niêm phong theo quy định nên lưu hồ sơ vụ án.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Trịnh Văn T và Hoàng Đình Đ không yêu cầu những người gây thương tích cho mình phải bồi thường và xin tự chịu trách nhiệm về thương tích của mình nên HĐXX không xem xét.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Văn T, Trịnh Văn T1, Trịnh Văn S, Nhữ Mai T3, Mai Tiến D, Lê Văn L, Lê Văn T2 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trịnh Văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/8/2023).

- Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trịnh Văn S 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/8/2023).

- Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trịnh Văn T1 07 (bảy) tháng 15 (mười lăm) ngày tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 15 (mười lăm) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/8/2023).

- Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Mai Tiến D 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/8/2023).

Xử phạt: Nhữ Mai T3 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/8/2023).

- Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Văn T2 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/8/2023).

Giao các bị cáo Trịnh Văn T, Trịnh Văn T1, Trịnh Văn S cho UBND xã M, huyện V, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao các bị cáo Mai Tiến D, Nhữ Mai T3 cho UBND thị trấn S, huyện S, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Lê Văn T2 cho UBND xã H, huyện H, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Văn L 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 09/6/2023).

- Về phần xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106, Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự. Lưu hồ sơ vụ án 02 (hai) USB và 01 (một) đĩa DVD ghi hình ảnh các bị cáo tham gia đánh nhau, gây rối trật công cộng, cơ quan điều tra đã niêm phong theo quy định.

- Về dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trịnh Văn T, Trịnh Văn T1, Trịnh Văn S, Nhữ Mai T3, Mai Tiến D, Lê Văn L, Lê Văn T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án Dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Người có QLNVLQ
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Lộc;
- Công an huyện Vĩnh Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang